TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Số: /BC-TĐĐHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO BÁO CÁO
Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 -
Công ty cổ phần Thuỷ điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Phần I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH (SXKD) NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH THIẾT BỊ

1. Thuận lợi

- Trong năm 2023, tình hình thủy văn các hồ tương đối thuận lợi: lưu lượng về hồ Đơn Dương là 27,54 m^3/s, đạt tần suất 22,75%; lưu lượng về hồ Hàm Thuận là 58,46 m^3/s đạt tần suất 25,04%.

- Công ty đã triển khai các giải pháp thực hiện chủ đề năm "Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí" gắng liền với việc nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh - đầu tư xây dựng trong Công ty; Kết quả thực hiện trong năm 2023 vượt kế hoạch về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và cổ tức đề ra.

2. Khó khăn

a) Hệ thống thiết bị các nhà máy đã vận hành 20 năm nên nguy cơ tiềm ẩn các sự cố cao như: Máy phát Đa Mi, hệ thống bảo vệ tổ máy Đa Mi, các máy cắt đầu cực nhà máy Hàm Thuận và nhà máy Đa Mi, Hệ thống điều tốc các tổ máy Đa Nhim …., các board mạch và linh kiện không còn sản xuất. Công ty đang lập kế hoạch thay thế lần lượt các hệ thống thiết bị này.

b) Trong năm 2023 đã xảy ra 02 sự cố

- Sự cố phóng điện cuộn dây MBA T2 Đa Mi từ ngày 01/4/2023 đến ngày 28/5/2023 (Sự cố MBA T2).

- Sự cố hư hỏng cuộn dây stator máy phát H1 Đa Mi từ ngày 01/11/2023 đến ngày 10/12/2023 (Sự cố H1 Đa Mi).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Tình hình thuỷ văn

Lưu lượng trung bình nước về các hồ năm 2023 như sau: Hồ Đơn Dương là 27,54 m3/s, xấp xỉ cùng kỳ 2022 và cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) (năm 2022: 28,64 m3/s, TBNN: 23,10 m3/s); hồ Hàm Thuận là 58,46 m3/s, cao hơn cùng kỳ 2022 và TBNN (năm 2022: 46,32 m3/s; TBNN: 51,66 m3/s). Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Hồ Đơn Dương		Hồ Hàm Thuận	
		2022	2023	2022	2023
1	Lưu lượng vào hồ (m^3/s)	28,64	27,54	46,32	58,46
2	Tần suất (%)	19,00	22,75	65,00	25,04
3	Lưu lượng chạy máy (m^3/s)	24,87	23,32	47,82	50,25
4	Lưu lượng nước xả trung bình (m^3/s)	3,27	3,81	1,34	3,69
5	Tổng lượng nước xả (tr. m^3)	103,17	120,25	42,17	116,44
6	Mực nước hồ đầu kỳ (m)	1042,20	1042,06	605,02	600,11
7	Mực nước hồ cuối kỳ (m)	1042,06	1042,00	600,11	604,96

2. Công tác sản xuất điện

Kế hoạch (KH) sản lượng năm 2023 là 2.884 triệu kWh, thực hiện (TH) 3.099,97 triệu kWh, đạt 107,48% kế hoạch. Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	TH 2023 (Tr.kWh)	KH 2023 (Tr.kWh)	TH/KH (%)	TH 2022	So Sánh 2022 (%)
(a)	*(b)*	*(1)*	*(2)*	*(3=1/2)*	*(4)*	*(5=1/6)*
1	**Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)**	**3.099,98**	**2.884,28**	**107,48**	**3.105,5**	**99,82**
	- Thủy điện	*3.037,93*	*2.818,05*	*107,80*	3.039,4	99,95
	- Điện mặt trời	*62,05*	*66,23*	*93,69*	66,1	93,87
2	**Sản lượng điện thương phẩm (Tr.kWh)**	**3.077,39**	**2.860,49**	**107,58**	**3.083,7**	**99,80**
	- Thủy điện	*3.015,90*	*2.794,82*	*107,91*	3.018,2	99,92
	- Điện mặt trời	*61,49*	*65,67*	*93,63*	65,5	93,88

Ghi chú:

- Sản lượng điện mặt trời bị cắt giảm ước tính khoảng 3,45 triệu kWh, chiếm 5,26% so với sản lượng thực phát do hệ thống thừa hoặc quá giới hạn lưới điện truyền tải.

- Sản lượng điện thực hiện các tháng trong mùa mưa lũ thấp hơn nhiều so với kế hoạch do thời kỳ này mưa nhiều, bức xạ mặt trời thấp, sản lượng điện phát không cao và

tỷ lệ bị cắt giảm cao do hệ thống thừa nguồn (các hồ thủy điện xả nước điều tiết được ưu tiên phát cao).

3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

a) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	Nội dung	TH 2023	KH 2023	TH/KH (%)	Đánh giá (Đ/KĐ)
(a)	*(b)*	*(1)*	*(2)*	*(5=3/4)*	
1	Tỉ lệ điện tự dùng (%)	0,73	0,84	86,90	Đ
2	Hệ số khả dụng (%)	93,98	94,95	98,98	KĐ
3	Tỉ lệ ngừng máy sự cố (%)	1,00	0,49	204,08	KĐ
4	Tỉ lệ ngừng máy bảo dưỡng (%)	5,02	4,56	110,09	KĐ

Hệ số khả dụng, tỉ lệ dừng máy sự cố và tỉ lệ dừng máy bảo dưỡng không đạt do Nhà máy Thủy điện Đa Mi có 02 sự cố (sự cố MBA T2 và sự cố tổ máy H1 Đa Mi) và dừng tổ máy H2 Đa Mi để lắp đặt MBA T2 kết hợp kiểm tra, sửa chữa tổ máy H2 từ ngày 16/12/2023 đến 30/12/2023.

b) Tình hình thiết bị tại các nhà máy như sau:

- Nhà máy Thuỷ điện Đa Nhim: Không có sự cố.
- Nhà máy Thuỷ điện Hàm Thuận: Không có sự cố.
- Nhà máy Thuỷ điện Đa Mi: Có 02 sự cố (Sự cố MBA T2 và H1 Đa Mi)

2. Công tác sửa chữa tài sản cố định (TSCĐ)

Trong năm 2023, Công ty đăng ký 7 danh mục công trình (6 danh mục đăng ký mới và 1 danh mục chuyển tiếp từ năm 2022) với tổng giá trị giải ngân là 43.358 triệu đồng, thực hiện năm 2023 là 15.458 triệu đồng đạt 35,71% kế hoạch năm.

Giá trị giải ngân thấp do:

- Tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận: không thực hiện đại tu máy cắt đầu cực vì đấu thầu mua sắm không thành công và đã huỷ thầu.

- Hạng mục Hệ thống điều tốc tổ máy H4, H5 Nhà máy Thủy điện Sông Pha: chỉ tạm ứng 20% giá trị hợp đồng, giá trị còn lại chuyển tiếp sang năm 2024.

- Hạng mục tư vấn lập, thẩm tra phương án kỹ thuật, dự toán và hồ sơ mời thầu Hệ thống kích từ và hệ thống điều tốc tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi: chỉ thanh toán (đợt 1) 70% giá trị hợp đồng, giá trị còn lại sẽ thanh toán trong năm 2024 sau khi thẩm định, phê duyệt.

- Hạng mục Đường vận hành đi đập tràn Hàm Thuận: giảm khối lượng bê tông nhựa nóng mặt đập chính Hàm Thuận và các hạng mục liên quan.

- Hạng mục Mái hạ lưu vai trái đập tràn Đơn Dương: giảm do không thực hiện khoan phụt và xử lý mái từ cao trình 1.025m đến 1.035m do mực nước hồ Đơn Dương luôn duy trì ở mức cao.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
I	**TỔNG DOANH THU (Tr. đồng)**	**2.263.379**	**2.431.740**	**107,48**
1	Doanh thu hoạt động sản xuất điện (bao gồm lãi tiền gửi)	2.226.990	2.375.166	106,65
2	Doanh thu hoạt động tài chính	26.989	52.837	195,77
3	Doanh thu khác	9.400	3.737	39,76
II	**TỔNG CHI PHÍ (Tr. đồng)**	**1.191.093**	**1.062.998**	**89,25**
1	Chi phí hoạt động sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	1.182.633	1.059.631	89,60
	Trong đó: Lãi (Lỗ) chênh lệch tỷ giá	*(103.948)*	*25.440*	-
2	Chi phí hoạt động tài chính	-	-	-
3	Chi phí khác	8.460	3.367	39,76
III	**TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tr. đồng)**	**1.072.286**	**1.368.742**	**127,65**
1	Lợi nhuận hoạt động SXKD điện	1.044.357	1.315.535	125,97
2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	26.989	52.837	195,77
3	Lợi nhuận khác	940	370	39,36
IV	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ (Tr. đồng)**	**857.829**	**1.109.931**	**129,39**
V	**CỔ TỨC (%)**	**20**	**28**	**140,00**

Thuyết minh

Tình hình thuỷ văn thuận lợi nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 đạt tốt, cụ thể:

3.1. Hoạt động sản xuất điện

Doanh thu sản xuất điện: Sản lượng điện thương phẩm đạt 3.077 triệu kWh đạt 107,6%. Doanh thu sản xuất điện đạt 2.375 tỉ đồng tương đương 106,6% so với kế hoạch. Giá bán điện bình quân đạt 742,26 đ/kWh, kWh tương đương 98,9% so với kế hoạch, giảm 8,31 đ/kWh so với kế hoạch;

a) Doanh thu

- Doanh thu sản xuất điện là 2.283,9 tỷ đồng, đạt 106,4% kế hoạch năm.

- Doanh thu lãi tiền gửi, tiền cho vay là 91,2 tỷ đồng (Trong đó: tiền lãi từ cho vay là 70,9 tỷ đồng), đạt 114,0 % kế hoạch năm.

b) Chi phí

Tổng chi phí thực hiện (không bao gồm lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá (CLTG)) là 1.085,0 tỷ đồng, tương đương 100,6% kế hoạch năm, cụ thể như sau:

- Các khoản mục chi phí giảm:

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) giảm 21,2 tỷ đồng do các hạng mục mua sắm TSCĐ trong năm bị chậm hơn so với dự kiến, trong đó một số TSCĐ có giá trị lớn như hai máy biến áp chính Nhà máy thuỷ điện (NMTĐ) Đa Mi và Hệ thống giám sát trực tuyến máy biến áp đã nghiệm thu đóng điện vào tháng 12 năm 2023, thời điểm nghiệm thu đưa vào sử dụng sau 72 giờ vào đầu tháng 01 năm 2024 nên chưa trích khấu hao trong năm 2023.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 6,9 tỷ đồng do một số hạng mục chưa thực hiện trong năm 2023:

✓ Hạng mục hành lang thoát lũ hạ du hồ chứa Đơn Dương, Hàm Thuận phục vụ công tác phòng chống thiên tai;

✓ Chi phí về công tác an toàn thông tin giảm so với kế hoạch;

+ Chi phí lãi vay giảm 6,1 tỷ do tỷ giá đồng Yên (JPY) giảm và Đô la (USD) không tăng so với dự kiến;

+ Chi phí sửa chữa lớn giảm 11,1 tỷ đồng, giá trị chi phí thực hiện là 15,2 tỷ đồng giá trị kế hoạch là 26,3 tỷ đồng (giá trị thực hiện thấp chi tiết tại mục 2. Công tác sửa chữa tài sản cố định).

+ Tiền thuê đất giảm 1,4 tỷ đồng do chính sách giảm tiền thuê đất của Chính phủ.

- Các khoản mục chi phí tăng:

+ Chi phí vật liệu tăng 3,9 tỷ đồng do xuất kho một số vật tư thiết bị (VTTB), phụ tùng phục vụ công tác sửa chữa phát sinh của Nhà máy thuỷ điện Đa Nhim mở rộng;

+ Chi phí tiền lương tăng 12,3 tỷ đồng do năng suất lao động tăng;

+ Chi phí thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng tăng 36,0 tỷ đồng do sản lượng điện và giá điện tính thuế tài nguyên tăng;

+ Chi phí xử lý sự cố máy biến áp 2T Nhà máy thủy điện Đa Mi là 9,8 tỷ đồng và tổ máy số 1 Nhà máy thủy điện Đa Mi là 1,8 tỷ đồng;

- Các khoản mục khác tăng/giảm không đáng kể so với kế hoạch được duyệt.

- Các khoản làm tăng/giảm giá thành điện: Lãi chênh lệch tỷ giá là 25,4 tỷ đồng, Công ty đã hạch toán toàn bộ vào doanh thu tài chính trong kỳ.

c) Lợi nhuận sản xuất điện (Bao gồm các khoản làm tăng/giảm giá thành điện) là 1.315 tỷ đồng, đạt 126,0% so với kế hoạch năm.

3.2. Hoạt động tài chính:

- Doanh thu: Trong năm, Công ty nhận cổ tức từ các khoản đầu tư được 52,8 tỷ đồng, cụ thể như sau:

+ Công ty cổ phần (CTCP) Thủy điện Hạ Sông Pha chia cổ tức năm 2022 là 10% với số tiền 11,2 tỷ đồng;

+ Công ty cổ phần Thủy điện A Vương chia cổ tức năm 2022 là 25% và tạm ứng 52,65% cổ tức năm 2023 với số tiền 24,6 tỷ đồng;

+ Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (SBH) chia cổ tức năm 2022 là 30%, và tạm ứng 24,45% cổ tức năm 2023 với số tiền 7,0 tỷ đồng;

+ Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình (TBW) chia cổ tức năm 2022 là 10% với số tiền là 10 tỷ đồng.

- Chi phí: Trong năm 2023, Công ty không phát sinh chi phí tài chính.

3.3. Hoạt động sản xuất khác: Doanh thu 3,7 tỷ đồng đạt 39,7% so với kế hoạch, lợi nhuận là 237 triệu đồng.

3.4. Lợi nhuận trước thuế là 1.368,7 tỷ đồng, đạt 127,6% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế là 1.109,9 tỷ đồng, đạt 129,4% kế hoạch năm. Lợi nhuận đạt cao nhờ hoạt động sản xuất điện thuận lợi và lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại vào cuối năm.

3.5. Cổ tức: Nhóm người đại diện đề xuất mức cổ tức năm 2023 là 28%, trong đó 24% từ lợi nhuận năm 2023, 4% từ lợi nhuận các năm trước để lại và hoàn nhập quỹ ĐTPT các năm trước chưa sử dụng.

III. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

a) Tình hình giải ngân

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim: Công ty đăng ký kế hoạch giải ngân trong năm giá trị đầu tư thuần là 81.152 triệu đồng.

- Giá trị đầu tư thuần không thực hiện là do chưa đủ điều kiện thanh toán chi phí Tư vấn giám sát đã thực hiện trong giai đoạn thi công khoan nổ và chưa thanh toán giá trị giữ lại của gói thầu 12.01- Công tác xây dựng kiếm trúc công trình chính do chưa thống nhất được nguyên nhân, trách nhiệm các bên theo điều khoản của Hợp đồng.

- Công ty đã thực hiện phát hành thư bảo lãnh thanh toán đối với gói thầu 12 (DNE-C1) - Giám sát thi công xây lắp với số tiền 27.521 triệu đồng (63,4 triệu JPY và 14.612 triệu đồng), với thời gian bảo lãnh thanh toán là 02 năm kể từ ngày phát hành là ngày 12 tháng 10 năm 2023.

b) Tình hình thực hiện DNEX

- Nhà thầu CC47 đã thông báo danh mục khiếu nại tại Văn bản số 1500/2023/CC47-KH ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc phúc đáp văn bản số 1497/TDDHD-KHVT.

- Ngày 22 tháng 12 năm 2023, Họp giải trình với Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo nội dung liên quan đến điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án và Quyết toán các hạng mục hoàn thành của Dự án. Triển khai giải trình các nội dung tồn tại theo chỉ đạo của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo tại cuộc họp.

- Hoàn thiện phạm vi công việc Tư vấn pháp lý để giải quyết các tồn tại, vướng mắc liên quan đến hợp đồng số 368/DHD-CC47 và triển khai xin báo giá làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

- Ngày 27 tháng 12 năm 2023 họp thống nhất với TVGS tiếp tục triển khai thực hiện công việc.

- Đã khắc phục các nội dung tồn tại theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

- Đã thực hiện các nội dung theo kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính.

2. Công tác mua sắm tài sản cố định

Trong năm 2023, Công ty đăng ký 23 hạng mục mua sắm móc máy, VTTB, TSCĐ sử dụng nguồn quỹ đầu tư phát triển (ĐTPT) và khấu hao cơ bản (09 hạng mục chuyển tiếp từ năm 2022 và 14 hạng mục đăng ký mới) với giá trị là 164.512 triệu đồng, thực hiện là 112.825 triệu đồng đạt 68,6%. Chi tiết như sau:

Giá trị giải ngân thấp hơn kế hoạch do chuyển tiếp sang năm sau một số gói thầu và giảm giá do đấu thầu:

- Gói thầu "Trung tâm OCC - Cải tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện": Đã tổ chức đấu thầu nhưng không thành công, phải hủy thầu do giá dự thầu vượt giá gói thầu.

- Gói thầu "Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận": Đã tổ chức đấu thầu nhưng không thành công, phải hủy thầu do không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu.

- Gói thầu "Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn từ năm 2022 đến 2025": Đã tổ chức đấu thầu nhưng không thành công, phải hủy thầu do giá dự thầu vượt giá gói thầu.

- Gói thầu Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục "Cửa van sửa chữa đập tràn Đơn Dương": năm 2023 chỉ thanh toán tạm ứng và do mực nước hồ Đơn Dương tăng nhanh và vượt trên cao trình 1.029,2m nên một phần khối lượng không thực hiện trong năm 2023.

- Gói thầu "Mua sắm Xe ô tô chữa cháy": Trong năm 2023 chỉ thực hiện thanh toán tạm ứng 20% giá trị hợp đồng, chuyển tiếp sang năm 2024.

- Gói thầu "Cung cấp, lắp đặt máy biến áp chính Nhà máy thủy điện Đa Mi" bao gồm hạng mục Máy biến áp chính Nhà máy Thuỷ điện Đa Mi và Hệ thống giám sát trực tuyến các máy biến áp chính nhà máy thủy điện Đa Mi: Có giá trị gói thầu là 98.503 triệu đồng, giá trị hợp đồng là 96.228 triệu đồng, giảm 2.283 triệu đồng. Thực hiện trong năm 2023 là 96.028 triệu đồng. Chuyển tiếp phần dịch vụ nghiệm thu, thử nghiệm sau khi vận hành 72 giờ sang năm 2024 khoảng 200 triệu đồng.

- Các hạng mục khác giảm giá trong quá trình đấu thầu.

- Hạng mục "Máy rửa chén" có giá trị kế hoạch được duyệt là 400 triệu đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Giá gói thầu đã bao gồm thuế VAT là 440 triệu đồng (giá trước thuế là 400 triệu đồng, thuế VAT là 40 triệu đồng), Nhà thầu chào và cung cấp hàng hoá cùng với hóa đơn trực tiếp với giá trị là 428 triệu đồng (Đã bao gồm thuế VAT).

IV. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, GÓP VỐN, MUA CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

1. Đầu tư tài chính năm 2023

Kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty có vốn góp của Công ty

STT	Tên công ty	Giá trị vốn góp cuối kỳ (Trđ)	Tỷ lệ vốn góp (%)	LNST kế hoạch (Trđ)	LNST thực hiện (Trđ)
1	CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha	112.000	70	21.371	20.082
2	CTCP Phong điện Thuận Bình	100.000	20	123.585	106.194
3	CTCP Thủy điện A Vương	24.560	3	133.292	347.334
4	CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ	12.800	1	270.634	438.384

Nhìn chung, tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết và các công ty có vốn góp của Công ty trong năm 2023 đều có lãi. CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha đạt lợi nhuận thấp hơn kế hoạch do sản lượng đạt thấp hơn kế hoạch. CTCP Phong điện Thuận Bình lợi nhuận thấp hơn kế hoạch do chi phí trả nợ trước hạn do chuyển đổi khoản vay vốn từ đồng USD sang vay VNĐ, lỗ CLTG thực hiện trong năm và đánh giá

lại cuối năm (Đồng EURO và USD đều tăng so với thời điểm lập kế hoạch). CTCP thuỷ điện A Vương và CTCP Thủy điện SBH có lợi nhuận đạt cao so với kế hoạch chủ yếu do tình hình thủy văn tương đối thuận lợi.

2. Lãi tiền gửi, cho vay

Trong năm, Công ty theo dõi chặt chẽ dòng tiền, gửi tiết kiệm có kỳ hạn nhằm tăng doanh thu tài chính. Lãi tiền gửi, tiền cho vay trong năm là 91.198 triệu đồng. Trong đó, lãi tiền gửi là 20.231 triệu đồng, lãi tiền cho vay là 70.967 triệu đồng

Phần II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ DÀI HẠN

1. Tiếp tục triển khai công tác cải tạo, phục hồi hệ thống thiết bị các nhà máy điện của Công ty.

2. Chuẩn bị hồ sơ để triển khai và hoàn thành Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - giai đoạn 2 với công suất 80MW vào năm 2030.

Phần III

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH

1. Khối lượng thực hiện công tác sửa chữa tài sản cố định và đầu tư lớn như: Hệ thống điều tốc và kích từ tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi; hệ thống kích từ tổ máy H2 Nhà máy Thủy điện Đa Mi; hệ thống điều tốc các tổ máy H1, H2, H3, H4 nhà máy Đa Nhim; hệ thống rơ le bảo vệ tổ máy H1 nhà máy Đa Mi; hệ thống điều khiển trạm GIS nhà máy Hàm Thuận; Cải tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện…

2. Tình hình vận hành thị trường điện đang gặp nhiều khó khăn do Qc giao theo phương thức tháng và có xu hướng tăng cao làm ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Việc thực hiện giao Qc theo phương thức tháng sẽ ảnh hưởng đến sự hoạt động chung của Công ty, không chủ động xây dựng kế hoạch tổng thể năm về doanh thu, chi phí, lợi nhuận để linh hoạt, điều phối thực hiện.

3. Dự án mở rộng nhà máy thủy Đa Nhim còn nhiều nội dung tồn tại, chưa hoàn thành như: Điều chỉnh tiến độ dự án, thanh toán cho nhà thầu TVGS, quyết toán các hạng mục hoàn thành và các khiếu nại, vướng mắc liên quan với Nhà thầu CC47…

4. Với những khó khăn nêu trên, Công ty cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch tiến độ thực hiện, cũng như sự đoàn kết, tập trung của toàn thể CBCNV trong Công ty để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch.

II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT ĐIỆN

1. Sản lượng điện

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	2.884,15
	- Thủy điện	Triệu kWh	2.819,41
	- Điện Mặt trời	Triệu kWh	64,74
2	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	2.860,36
	- Thủy điện	Triệu kWh	2.796,18
	- Điện Mặt trời	Triệu kWh	64,18

2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Tỷ lệ điện tự dùng	%	0,84
2	Hệ số khả dụng	%	95,55
3	Tỷ lệ dừng máy sự cố	%	0,49 (Mùa khô) 0,00 (Mùa mưa)
4	Hệ số dừng máy bảo dưỡng	%	3,96

III. CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA

1. Sửa chữa lớn

Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa lớn năm 2024 gồm 13 hạng mục công trình (10 hạng mục công trình đăng ký mới và 03 hạng mục công trình chuyển tiếp từ năm 2023) với tổng giá trị là 38.585 triệu đồng và giá trị hạch toán vào chi phí trong năm 2024 là 34.451 triệu đồng.

2. Sửa chữa thường xuyên

- Sửa chữa thường xuyên tự làm: Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2024 gồm 10 hạng mục với tổng số tiền là 31.371 triệu đồng.

- Sửa chữa thường xuyên phần thuê ngoài: Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2024 gồm 26 hạng mục với tổng số tiền là 28.859 triệu đồng.

IV. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch
1	**Tổng doanh thu**	**Tr.đồng**	**1.837.832**
	- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện (bao gồm lãi tiền gửi)	Tr.đồng	1.794.679

	- Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng	39.778
	- Doanh thu khác	Tr.đồng	3.375
2	**Tổng chi phí**	**Tr.đồng**	**1.199.277**
	- Chi phí hoạt động sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	Tr.đồng	1.196.239
	Trong đó: Lỗ/Lãi (Chênh lệch tỉ giá)	*Tr.đồng*	(71.209)
	- Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	
	- Chi phí khác	Tr.đồng	3.038
3	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**Tr.đồng**	**638.555**
	- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh điện	Tr.đồng	598.440
	- Lợi nhuận hoạt động tài chính	Tr.đồng	39.778
	- Lợi nhuận khác	Tr.đồng	337
4	**Lợi nhuận sau thuế**	**Tr.đồng**	**510.844**
5	**Cổ tức**	**%**	**10**

V. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Trong năm 2024, Công ty đăng ký kế hoạch giải ngân Dự án mở rộng nhà máy thuỷ điện Đa Nhim và dự án điện mặt trời Đa Mi là 123.180 triệu đồng. Chi tiết như sau

STT	Nội dung	ĐVT	Điều chỉnh
	Tổng cộng	***Tr.đồng***	**123.180**
1	**Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim**	***Tr.đồng***	**56.788**
	Đầu tư thuần	Tr.đồng	1.702
	Trả nợ gốc	Tr.đồng	55.086
2	**Dự án NMĐ Mặt trời Đa Mi**	***Tr.đồng***	**66.392**
	Trả nợ gốc	Tr.đồng	66.392

2. Mua sắm tài sản cố định

- Kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2024 là 36.695,2 triệu đồng.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2022 và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2023 của Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Ban KS;
- Lưu: VT, KHVT.

Đính kèm: Phụ lục tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI
Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457
Email:trusochinh@dhd.com.vn; Website: https://www.dhd.com.vn

Phụ lục I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHĐ ngày tháng 3 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục công trình	KH 2023	TH 2023	TH/KH (%)	Tình hình thực hiện
A	**Công trình chuyển tiếp**				
1	Tổ máy và sân phân phối - Hệ thống DCS Nhà máy Thuỷ điện Đa Mi	5,024	5,024	100	
B	**Công trình kế hoạch năm 2023**				
1	Tổ máy - Tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	14,016	2,219	16	Không thực hiện hạng mục đại tu máy cắt đầu cực 501 và bộ truyền động
2	Tổ máy - Hệ thống kích từ và hệ thống điều tốc tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi	600	250	42	- Thanh toán 70% giá trị hợp đồng tư vấn lập PAKT, dự toán (358 triệu đồng), tương đương 250 triệu đồng; - Hợp đồng tư vấn thẩm tra PAKT, dự toán là lập HSMT khoảng 137 triệu, chưa thanh toán trong năm 2023, chuyển tiếp sang năm 2024.
3	Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H4, Nhà máy Thủy điện Sông Pha	5,856	938	16	Nhà thầu tạm ứng thực hiện HĐ
4	Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H5 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	5,856	938	16	Nhà thầu tạm ứng thực hiện HĐ
5	Đường vận hành đi đập tràn Hàm Thuận	6,030	3,598	60	Không thực hiện khối lượng bê tông nhựa nóng mặt đập chính Hàm Thuận và các hạng mục liên quan
6	Mái thượng lưu vai trái Đập tràn Đơn Dương	5,976	2,516	42	Không thực hiện được khoan phụt và xử lý phần cao trình từ 1026,5m đến 1038,5m
7	Giá trị phân bổ - Tổ máy H2 nhà máy thủy điện Đa Mi				
	TỔNG CỘNG	**43,358**	**15,483**	**35.71**	

Phụ lục II

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHĐ ngày tháng 3 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh TH/KH (%)	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
I	**Sản lượng điện**					
	Sản lượng điện sản xuất *(Tr. kWh)*	2,884.28	3,099.98	107.48	2,884.00	
	Sản lượng điện thương phẩm *(Tr. kWh)*	2,860.49	3,077.39	107.58	2,860.00	
II	**Tổng doanh thu**	**2,263,379**	**2,431,740**	**107.44**	**1,837,832**	
1	Doanh thu SXKD điện (bao gồm lãi tiền gửi)	2,226,990	2,375,166	106.65	1,794,679	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	26,989	52,837	195.77	39,778	
3	Doanh thu khác	9,400	3,737	39.76	3,375	
III	**Tổng chi phí**	**1,191,093**	**1,062,998**	**89.25**	**1,199,277**	
1	Sản xuất kinh doanh điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	1,182,633	1,059,631	89.60	1,196,239	
	Trong đó: Lãi/ Lỗ CLTG	*(103,948)*	*25,440*	*- 24.47*	*(71,209)*	
2	Hoạt động tài chính	-	-			
3	Hoạt động khác	8,460	3,367	39.80	3,038	
IV	**Tổng LN trước thuế**	**1,072,286**	**1,368,742**	**127.65**	**638,555**	
1	SXKD điện	1,044,357	1,315,535	125.97	598,440	
2	Hoạt động tài chính	26,989	52,837	195.77	39,778	
3	Hoạt động khác	940	370	39.36	337	
V	**Lợi nhuận sau thuế**	**857,829**	**1,109,931**	**129.39**	**510,844**	
VI	**Cổ tức (%)**	**20**	**28**	**140.00**	**0**	

Phụ lục III

Bảng 4. THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - MUA SẮM TSCĐ NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHĐ ngày tháng 3 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Kế hoạch 2023	Thực hiện	TH/KH	Ghi chú
II	**KẾ HOẠCH MUA SẮM TSCĐ**				**164,512**	**112,825**	**68.6%**	
I	**Danh mục chuyển tiếp**				**152,954**	**105,261**	**68.8%**	
1	Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận	HT	1	23,100	22,405	-	0.0%	
2	Trung tâm OCC - Cải tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện	HT	1	13,543	13,309	-	0.0%	Đã tổ chức đấu thầu lần 1 không thành công. Hiện đang đánh giá lại tình trạng thiết bị, phạm vi thực hiện để tổ chức đấu thầu lại
3	Nâng cấp, thay thế hệ thống hội nghị truyền hình các phòng họp tại Công ty	HT	1	3,862	3,799	3,347	88.1%	
4	Hệ thống cảnh báo lũ hạ du hồ Đơn Dương	HT	1	1,459	1,434	1,305	91.0%	Giá trị tăng TSCĐ là 1.245 triệu đồng, giá trị vật tư nhập kho dự phòng là 60 triệu đồng
5	Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục "Cửa van sửa chữa đập tràn Đơn Dương"	Gói	1	1,197	1,197		0.0%	Chuyển tiếp sang năm 2024
6	Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục "Ống piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi"	Gói	1	7,500	7,500	4,581	61.1%	
7	Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025	Gói	1	4,888	4,808	-	0.0%	Đã tổ chức đấu thầu lần 1 không thành công. Hiện đang đánh giá lại tình trạng thiết bị, phạm vi thực hiện để tổ chức đấu thầu lại
8	Gói thầu Cung cấp, lắp đặt máy biến áp chính Nhà máy thủy điện Đa Mi				98,503	96,028	97.5%	
	Máy biến áp chính Nhà máy Thuỷ điện Đa Mi	*Bộ*	*2*	*40,358*	*80,715*	*81,613*		*Giá trị tăng TSCĐ là 79.885 triệu đồng, giá trị vật tư nhập kho dự phòng là 1.728 triệu đồng*
	Hệ thống giám sát trực tuyến các MBA chính NMTĐ Đa Mi	*HT*	*2*	*8,894*	*17,788*	*14,415*		*Chuyển tiếp 2024 số tiền 200 triệu*
II	**Danh mục đăng ký mới**				**11,557.7**	**7,564.6**	**65.5%**	
1	Gói thầu: Cung cấp máy móc, thiết bị do các loại				6,900.3	6,743.6	97.7%	
	Hợp bộ thử nghiệm rơ le bảo vệ	*Máy*	*1*	*2,541*	*2,541*	*2,730.0*		
	Máy ghi dạng sóng	*Máy*	*1*	*1,451*	*1,451*	*1,394.2*		
	Máy đo điện trở đất	*Máy*	*1*	*194*	*194*	*175.0*		
	Máy đo khí độc	*Máy*	*1*	*211*	*211*	*210.0*		
	Máy đo điện áp đánh thủng dầu cách điện	*Máy*	*1*	*638*	*638*	*630.0*		
	Thiết bị đo rò rỉ khí SF6	*Máy*	*1*	*318.2*	*318*	*304.4*		
	Máy đo thủy chuẩn	*Máy*	*1*	*563.2*	*563*	*540.0*		
	Máy đo điện trở 1 chiều cầm tay	*Máy*	*2*	*160.0*	*320*	*220.0*		
	Máy đo điện trở cách điện	*Máy*	*1*	*145.0*	*145*	*90.0*		
	Máy bắn đá khô (CO2)	*Máy*	*1*	*360.0*	*360*	*350.0*		
	Bơm thủy lực mini hi-force (Dùng điện)	*Máy*	*1*	*160.0*	*160*	*100.0*		
2	Máy rửa chén	Máy	4	100.0	400	428.0	107.0%	
3	Trạm cảnh báo lũ hạ du hồ Hàm Thuận	trạm	4	150	600	393.0	65.5%	Giá trị tăng TSCĐ là 348,4 triệu đồng, giá trị vật tư nhập kho dự phòng là 44,6 triệu đồng
4	Xe ô tô chữa cháy	Xe	1	3,657	3,657	-	0.0%	

Phụ lục IV

Bảng 4. THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - MUA SẮM TSCĐ NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHĐ ngày tháng 3 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Kế hoạch 2023	Thực hiện	TH/KH	Ghi chú
I	**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**				**81,152**	-	**0.0%**	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	DA	1		**81,152**		0.0%	
	Vốn vay				-	-		
	Vốn đối ứng				*81,152*	-	0.0%	

Phụ lục V

Bảng 2.1.1.1 SCL NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHĐ ngày tháng 3 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

TT	Danh mục công trình	Giá trị dự toán điều chỉnh	Điều chỉnh		Ghi chú
			Kế hoạch SCL năm	Hạch toán vào chi phí	
	Tổng cộng		**38,585**	**34,451**	
	Công trình chuyển tiếp năm 2023	**13,369**	**8,276**	**2,201**	
1	Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H4, Nhà máy Thủy điện Sông Pha	6,437	4,015	1,101	Thanh toán tạm ứng 20% giá trị Hợp đồng hệ thống điều tốc trong năm 2023. Giá trị còn lại thực hiện trong năm 2024
2	Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H5 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	6,437	4,015	1,101	Thanh toán tạm ứng 20% giá trị Hợp đồng hệ thống điều tốc trong năm 2023. Giá trị còn lại thực hiện trong năm 2024
3	Tổ máy - Hệ thống kích từ và hệ thống điều tốc tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi (Thuê tư vấn lập hồ sơ khảo sát, PAKT, dự toán, lập HSMT; Thuê tư vấn thẩm tra hồ sơ khảo sát, PAKT, dự toán, lập HSMT).	496	246	0	Thanh toán chi phí còn lại của năm 2023 chuyển tiếp về việc thuê tư vấn lập, thẩm tra PAKT, dự toán và HSMT là 246 triệu đồng
	Công trình kế hoạch năm 2024	**130,952**	**30,309**	**32,249**	
1	Tổ máy H1 Đa Nhim - Đại tu tổ máy	2,986	2,938	2,938	
2	Tổ máy H2 Đa Nhim - Đại tu tổ máy	2,617	2,578	2,578	
3	Tổ máy H5 Sông Pha - Đại tu tổ máy	763	763	763	
4	Tổ máy H1 Đa Mi - Hệ thống điều tốc và kích từ	30,185	6,141	-	- Giá trị KH hiệu chỉnh giảm 794 triệu đồng so với kế hoạch đã duyệt do cập nhật lại giá trị theo dự toán của tư vấn. - Thực hiện 2 năm (2024-2025). Năm 2024 tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, thanh toán tạm ứng 20% hợp đồng. Năm 2025 tiến hành lắp đặt nghiệm thu hoàn thành công trình.
5	Tổ máy H2 Đa Mi - Hệ thống kích từ	13,366	2,673	-	- Giá trị KH hiệu chỉnh giảm 2.158 triệu đồng so với kế hoạch đã duyệt do cập nhật lại giá trị theo dự toán của tư vấn. - Thực hiện 2 năm (2024-2025). Năm 2024 tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, thanh toán tạm ứng 20% hợp đồng. Năm 2025 tiến hành lắp đặt nghiệm thu hoàn thành công trình.
6	Nhà máy điện mặt trời Đa Mi - Nhà máy điện mặt trời	2,634	3,120	3,120	Giá trị điều chỉnh kế hoạch tăng hơn 486 triệu đồng do bổ sung thêm một số vật tư thiết bị sau khi khảo sát đánh giá lại tình trạng thiết bị như: quạt làm mát ly tâm cho inverter, màn hình HMI, sứ xuyên...
7	Nhà máy Thủy điện Đa Nhim - Hệ thống điều tốc các tổ máy H1, H2, H3 và H4	66,428	950	-	Công trình thực hiện 3 năm 2024-2026. - 2024: Chi phí thuê tư vấn lập, thẩm tra PAKT và Dự toán. - Năm 2025 tổ chức LCNT và lắp đặt cho 1 tổ máy. - Năm 2026 lắp đặt cho 3 tổ máy còn lại.
8	Tổ máy H1 Đa Mi - Hệ thống rơle bảo vệ	3,501	2,674	2,674	
9	Công trình xây dựng - Đường vận hành đi Nhà máy Thủy điện Đa Mi	6,208	6,208	6,208	
10	Công trình xây dựng - Nhà trực vận hành, sửa chữa và văn phòng làm việc Đa Nhim	2,264	2,264	2,264	
11	Chi phí phân bổ			11,704	Phân bổ Hệ thống điều tốc H2 Đa Mi và hệ thống DCS Đa Mi

Phụ lục VI

Bảng 6. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - MUA SẮM TSCĐ NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHĐ ngày tháng 3 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

STT	Các danh mục, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Đơn giá gói thầu (Triệu đồng)	Thành tiền gói thầu (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2023	Giá trị KH năm 2024 Điều chỉnh	Ghi chú
A	**Danh mục chuyển tiếp**			**45,056.7**	**45,056.7**	**800.0**	**3,211.6**	
1	Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận	HT	1	22,405	22,405		-	1. Tổ chức đấu thầu lần 1 nhưng không thành công đang kiểm tra rà soát, chỉnh sửa báo cáo kinh tế kỹ thuật, trình cấp thẩm quyền phê duyệt. 2. Kế hoạch thực hiện a) Năm 2024 - Tư vấn kiểm tra rà soát, chỉnh sửa báo cáo kinh tế kỹ thuật. - Lựa chọn Nhà thầu. b) Năm 2025: Thi công lắp đặt và nghiệm thu thanh quyết toán công trình.
2	Trung tâm OCC - Cải tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện	HT	1	13,309	13,309		-	1. Tổ chức đấu thầu lần 1 nhưng không thành công đang kiểm tra rà soát, chỉnh sửa báo cáo kinh tế kỹ thuật, trình cấp thẩm quyền phê duyệt. 2. Kế hoạch thực hiện a) Năm 2024 - Tư vấn kiểm tra rà soát, chỉnh sửa báo cáo kinh tế kỹ thuật. - Lựa chọn Nhà thầu. b) Năm 2025: Thi công lắp đặt và nghiệm thu thanh quyết toán công trình.
3	Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục "Cửa van sửa chữa đập tràn Đơn Dương"	Gói	1	908	908	250.0	1,015.6	- Thanh toán phần còn lại của Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục "Cửa van sửa chữa đập tràn Đơn Dương" là 908 triệu đồng. - Tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán là 107,6 triệu đồng (Giá trị thẩm tra tạm tính theo nhiệm vụ thiết kế).
4	Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025	HT	1	4,808	4,808		-	1. Tổ chức đấu thầu lần 1 nhưng không thành công đang kiểm tra rà soát, chỉnh sửa báo cáo kinh tế kỹ thuật, trình cấp thẩm quyền phê duyệt. 2. Kế hoạch thực hiện a) Năm 2024 - Tư vấn kiểm tra rà soát, chỉnh sửa báo cáo kinh tế kỹ thuật. - Lựa chọn Nhà thầu. b) Năm 2025: Thi công lắp đặt và nghiệm thu thanh quyết toán công trình.
5	Xe ô tô chữa cháy	Xe	1	3,627	3,627	550.0	1,996.0	Năm 2023 thanh toán tạm ứng 20% giá trị Hợp đồng. Quyết toán trong năm 2024.
6	Hệ thống giám sát trực tuyến các MBA chính NMTĐ Đa Mi	HT	2	8,894	17,788	14,615.0	200.0	Năm 2023 thanh toán phần thiết bị. Chuyển tiếp phần đào tạo sang năm 2024. Quyết toán trong năm 2024.
B	**Danh mục kế hoạch đăng ký mới năm 2024**						**33,483.6**	
1	Máy biến điện áp 13,2 kV đầu cực các máy phát Đa Nhim (Gói gồm 8 bộ)	Gói	1	496.2	496.2		496.2	Thay thế 08 TU hiện hữu chưa thành phần PCB. Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
2	Máy biến áp 13T Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Máy	1	863.0	863.0		863.0	Thay thế MBA 13T hiện hữu. Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
3	Hệ thống điều hòa cho nhà máy Đa Nhim mở rộng	Hệ thống	1	222.4	222.4		222.4	Trang bị mới. Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
4	Hệ thống quan trắc chuyển vị và đường bão hòa thấm trong thân đập - Công trình thủy điện Đa Nhim	Gói	1	3,215.2	3,215.2		3,215.2	Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
5	Mốc quan trắc công trình thủy điện Hàm Thuận	Gói	1	143.2	143.2		143.2	Bổ sung các mốc quan trắc. Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
6	Mốc quan trắc công trình thủy điện Đa Mi	Gói	1	248.4	248.4		248.4	Bổ sung các mốc quan trắc. Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
7	Trang bị Máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm	Gói	1	5,156.5	5,156.5		5,156.5	Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
8	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động cho các MBA T9 và T10 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Hệ thống	1	1,540.4	1,540.4		1,540.4	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kế. - Cung cấp lắp đặt.
9	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Hệ thống	1	5,017.5	5,017.5		5,017.5	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kê. - Cung cấp lắp đặt.
10	Hệ thống chữa cháy tự động kho vật tư Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Hệ thống	1	3,244.4	3,244.4		3,244.4	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kê. - Cung cấp lắp đặt.
11	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	Hệ thống	1	659.9	659.9		749.4	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kê. - Cung cấp lắp đặt. (Chuẩn xác lại chi phí thiết kế từ 75 triệu lên 164,5 triệu theo báo giá ngày 20/3/2024 của Cty CP kỹ thuật cơ điện Quốc Minh)
12	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Đa Mi	Hệ thống	1	659.9	659.9		774.4	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kê. - Cung cấp lắp đặt. (Chuẩn xác lại chi phí thiết kế từ 50 triệu lên 164,5 triệu theo báo giá ngày 20/3/2024 của Cty CP kỹ thuật cơ điện Quốc Minh)
13	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Sông Pha	Hệ thống	1	2,360.9	2,360.9		2,360.9	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kê. - Cung cấp lắp đặt.

14	Thay mới và lắp bổ sung hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi	Hệ thống	1	609.2	609.2		723.7	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kê. - Cung cấp lắp đặt. (Chuẩn xác lại chi phí thiết kế từ 50 triệu lên 164,5 triệu theo báo giá ngày 20/3/2024 của Cty CP kỹ thuật cơ điện Quốc Minh)
15	Hệ thống chữa cháy tự động cho MBA T1 Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi	Hệ thống	1	569.6	569.6		391.6	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kê. - Cung cấp lắp đặt. (Chuẩn xác lại chi phí thiết kế từ 204,5 triệu còn 26,5 triệu theo báo giá ngày 20/3/2024 của Cty CP kỹ thuật cơ điện Quốc Minh)
16	Bơm chữa cháy loại khiêng tay cho Nhà máy Thủy điện Sông Pha	Bộ	1	369.1	369.1		369.1	Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
17	Bơm chữa cháy động cơ điện và chống sét cho khu Nhà trực vận hành Bảo Lộc	Bộ	1	156.5	156.5		467.0	- Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập. - Bổ sung tủ điều khiển và hệ thống chống sét cho khu Nhà trực vận hành Bảo Lộc. - Giá thiết bị và dịch vụ lấy theo giá trung bình của 03 báo giá (Báo giá của Công ty TNHH MTV Thanh Bình, Công ty CP PCCC và Cơ điện Toàn Cầu và Công ty TNHH tư vấn dịch vụ PCCC Đà Lạt)
18	Thi công lắp đặt hạng mục "Ống piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi"	gói	1	6,079.1	6,079.1		3,120.0	- Năm 2023 đã thực hiện chi phí tư vấn, khảo sát 4,58 tỷ đồng - Giá trị KH tạm tính theo NVTK (nhiệm vụ thiết kế) phần thi công khoảng 6,079 tỷ đồng thực hiện trong năm 2024. - Theo BCKTKT lập thì chi phí thi công được chuẩn xác lại là 5,2 tỷ đồng. Năm 2024 thực hiện thi công lắp đặt giếng quan trắc với chi phí khoảng 3,12 tỷ đồng. Năm 2025 thực hiện phần lắp đặt thiết bị quan trắc với chi phí khoảng 2,08 tỷ đồng
19	Nhà để xe khu vực Văn phòng Bảo Lộc	gói	1	1,255.4	1,255.4		1,255.4	
20	Nhật ký vận hành điện tử		1	2,380.9	2,380.9		1,637.0	Giảm 1 server 224 triệu đồng đã thuộc gói thầu "Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025" và giảm bộ mã nguồn 507,97tr đồng do sử dụng chung hạ tầng với EVNGENCO1.
21	Cầu thang thoát hiểm hội trường văn phòng làm việc Bảo Lộc						190.0	Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập. Đáp ứng mục 3.2.5 của QCVN 06:2022
22	Cầu thang thoát hiểm khu nhà xưởng Hàm Thuận						265.0	Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập. Đáp ứng mục 3.2.5 của QCVN 06:2022
23	Báo cháy, chữa cháy khu nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Khu thể thao						450.0	Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập. Đáp ứng mục 3.2.5 của QCVN 06:2022
24	Nhà xưởng tại Nhà máy thuỷ điện Đa Mi						204.0	Tổng mức đầu tư: 5.425 triệu đồng. Thanh toán trong năm 2024 là 204 triệu đồng phần thuê tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật . Kích thước: 7,7x15m 2 tầng. Bao gồm hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt, hệ thống điện chiếu sáng điều hòa, thông gió và hệ thống PCCC. Cơ sở bổ sung: + Từ khi đưa vào vận hành năm 2001 đến nay, việc sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhà máy thủy điện Đa Mi được sử dung từ nhà xưởng tại nhà máy thủy điện Hàm Thuận cách xa nhà máy thủy điện Đa Mi khoảng 10 km nên gây rất nhiều khó khăn trong công tác tổ chức về nhân lực, vật tư, dụng cụ… phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhà máy, làm hiệu quả và độ tin cậy của công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhà máy. + Việc xây dựng nhà xưởng tại nhà máy thủy điện Đa Mi sẽ tăng hiệu quả và độ tin cậy của công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhà máy do chủ động được khâu tổ chức về nhân lực, vật tư, dụng cụ… tại chỗ vì vậy việc xây dựng nhà xưởng tại nhà máy thủy điện Đa Mi là cần thiết.
25	Kiểm toán, quyết toán các hạng mục ĐTPT năm 2023						379.0	Lập theo định mức
	Tổng cộng						**36,695.2**	

Phụ lục VII

Bảng 5. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - MUA SẮM TSCĐ NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHĐ ngày tháng 3 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

	Nội dung	ĐVT	Điều chỉnh	Ghi chú
1	Kế hoạch ĐTXD	Triệu đồng	123,180	
1.1	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim	Triệu đồng	56,788	
	Đầu tư thuần	*Triệu đồng*	*1,702*	Giảm số tiền còn lại của gói thầu 12.01 khoảng 16.129 tỷ đồng sẽ được chuyển tiếp sang năm 2025 do các bên chưa thống nhất và cấp thẩm quyền chấp thuận nguyên nhân trách nhiệm các bên.
	Trả nợ gốc	*Triệu đồng*	*55,086*	
1.2	Dự án NMĐ Mặt trời Đa Mi	Triệu đồng	66,392	
	Trả nợ gốc	*Triệu đồng*	66,392	